

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
SÀI GÒN CO.OP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 18.../SCID

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2016

"V/v công bố thông tin

BCTC hợp nhất Quý 4/2015"

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty: **Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Co.op (SCID)**

Trụ sở chính: 56 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (08) 38360143

Fax: (08) 38225457

Người thực hiện công bố thông tin: Bà **NGUYỄN THỊ TRANH**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (08) 38360143

Fax: (08) 38225457

Loại thông tin công bố: 24h Định kỳ Bất thường Yêu cầu

Nội dung thông tin công bố: Công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4/2015.

Chúng tôi cũng đã công bố toàn văn Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4/2015 trên trang thông tin điện tử của Công ty: www.scid-jsc.com.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu VT.

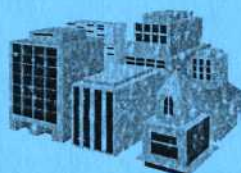


NGUYỄN THỊ TRANH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
SAIGON CO-OP

..... ∞ ∞
..... ∞ ∞

**BÁO CÁO TÀI
CHÍNH HỢP NHẤT**
QUÝ 4/2015



Nơi Nhận:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
 Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (Ước thực hiện)	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		830,740,524,788	412,560,118,242
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	427,309,996,018	232,586,348,406
1. Tiền	111		8,250,609,458	13,866,348,406
2. Các khoản tương đương tiền	112		419,059,386,560	218,720,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2,532,636,368	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2,532,636,368	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		400,190,831,779	148,318,374,645
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	354,352,918,788	91,191,678,587
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	18,122,008,238	35,823,667,626
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	10,000,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	27,715,904,753	11,303,028,432
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	60,000,000
1. Hàng tồn kho	141		-	60,000,000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		707,060,623	31,595,395,191
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		695,097,893	31,410,664,392
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	11,962,730	184,730,799
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,425,785,299,697	1,778,112,317,879
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4,883,355,675	37,549,868,534
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	4,883,355,675	37,549,868,534
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		5,571,402,619	94,650,230,512
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	5,571,402,619	94,650,230,512
- Nguyên giá	222		10,135,532,110	126,069,971,534
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4,564,129,491)	(31,419,741,022)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		80,000,000	80,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(80,000,000)	(80,000,000)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.8a,b	33,110,383,565	134,480,156,055
- Nguyên giá	231		40,477,441,564	146,864,006,453
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7,367,057,999)	(12,383,850,398)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		491,007,335,764	541,289,793,490
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	491,007,335,764	541,289,793,490
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		882,378,576,518	887,294,023,271
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10	882,378,576,518	887,294,023,271
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8,834,245,556	82,848,246,017
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	8,834,245,556	82,848,246,017
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.11	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,257,746,006,304	2,190,672,436,121

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (Ước thực hiện)	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		210,836,178,080	158,235,845,232
I. Nợ ngắn hạn	310		99,960,521,084	64,469,521,296
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	2,260,333,939	8,716,332,743
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8,800,000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	7,559,517,482	2,666,601,215
4. Phải trả người lao động	314	V.14	4,557,428,243	3,639,841,073
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	3,690,804,346
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	76,531,405,720	38,311,524,200
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	9,043,035,700	7,444,417,719
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		110,875,656,996	93,766,323,936
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	38,859,804,600
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	110,828,292,500	54,906,519,336
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.17	47,364,496	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (Ước thực hiện)	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,046,909,828,224	2,032,436,590,889
I. Vốn chủ sở hữu	410		2,046,909,828,224	2,032,436,590,889
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.18	-	18,307,271,713
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18	805,763,116,947	798,702,138,314
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	241,146,711,277	215,427,180,862
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		209,122,348,927	215,427,180,862
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		32,024,362,350	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,257,746,006,304	2,190,672,436,121


 Nguyễn Thị Hồng Ngân
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Hồng
 Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2015


 Nguyễn Thị Tranh
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
 Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ 4/2015

(Dạng đầy đủ)

Ước thực hiện Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Ước thực hiện Quý 4 năm nay
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	175,294,029,091
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	175,294,029,091
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	152,360,838,999
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22,933,190,092
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4,536,790,062
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2a	20,430,341,683
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	54,528,222
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	10,873,226,606
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		36,972,567,009
12. Thu nhập khác	31	VI.7	486,334,436
13. Chi phí khác	32	VI.8	15,786,155
14. Lợi nhuận khác	40		470,548,281
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37,443,115,290
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	5,371,388,444
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.17	47,364,496
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		32,024,362,350
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	<u>320</u>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2015



Nguyễn Thị Hồng Ngân
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Tranh
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OPĐịa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 4 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		14,648,244,313	14,648,094,119
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(36,176,342,581)	(85,577,522,605)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(14,916,997,763)	(17,338,777,155)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	(2,495,733,260)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2,605,740,339)	(218,825,733,260)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		727,502,365,235	784,207,256,863
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1,328,153,861,739)	(800,013,202,561)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(639,702,332,874)	(325,395,617,859)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(765,826,399)	(24,060,042,458)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1,175,245,469	247,919,529
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,350,500,658,108)	(1,134,683,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1,474,016,592,778	1,140,118,444,929
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(52,775,500,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	495,491,303,607
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		49,362,870,549	35,341,613,377
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		173,288,224,289	459,680,738,984
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(3,400,000,000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(25,270,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3,400,000,000)	(25,270,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		194,754,663,799	109,015,453,392

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	232,555,332,219	123,570,895,014
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>427,309,996,018</u>	<u>232,586,348,406</u>



Nguyễn Thị Hồng Ngân
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2015

Nguyễn Thị Tranh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Ước thực hiện Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Sài Gòn Co-op (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: đầu tư xây dựng, kinh doanh trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng; cho thuê mặt bằng và tài sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính Quý 4

Liên hiệp hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh đang trong quá trình thoái vốn, chuyển nhượng vốn góp tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Sài Gòn Co-op cho các cổ đông khác theo quy định của Luật Hợp tác xã.

Công ty cổ phần đầu tư phát triển Sài Gòn Co-op đang triển khai công tác tái cấu trúc hoạt động kinh doanh trong thời gian tới theo định hướng: không đầu tư vào hoạt động bán lẻ Co.opmart mà chuyển sang đầu tư trung tâm thương mại, trung tâm thương mại chuyên dùng, Outlet, các dự án bất động sản phức hợp, các dịch vụ tư vấn thiết kế, giám sát, pháp lý, quản lý dự án, giới thiệu mặt bằng cho Liên hiệp hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh như sau:

- Chuyển nhượng vốn đầu tư tại các Công ty liên kết hoạt động bán lẻ Co.opmart cho Liên hiệp hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh.
- Nhận chuyển nhượng vốn đầu tư tại các Công ty liên kết đầu tư vào Trung tâm thương mại hoặc dự kiến sẽ đầu tư vào Trung tâm thương mại từ Liên hiệp hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh.
- Chuyển nhượng bất động sản hoặc quyền cho thuê bất động sản đã đầu tư siêu thị Co.opmart và đang cho Liên hiệp hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh thuê kinh doanh bán lẻ Co.opmart.
- Nhận chuyển nhượng bất động sản hoặc quyền cho thuê bất động sản đã đầu tư Trung tâm thương mại hoặc dự kiến sẽ đầu tư vào Trung tâm thương mại từ Liên hiệp hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh.

6. Cấu trúc Tập đoàn

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 này.

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 (tiếp theo)

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Bạc Liêu	Lầu 3 số 212,214 đường Nguyễn Văn Linh, thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị Co.op Mart	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty TNHH SCID - Hòa Bình	Số 175 Hòa Bình, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư xây dựng; xây dựng nhà các loại; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

6c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Cà Mau	Số 09 đường Trần Hưng Đạo, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị Co.op Mart	36,75%	36,75%	36,75%	36,75%
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Cần Thơ	Số 01 Đại lộ Hoà Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị Co.op Mart	34,00%	34,00%	34,00%	34,00%
Công ty TNHH đầu tư quốc tế Sài Gòn Co.op	Lầu 3, số 199-205, đường Nguyễn Thái Học, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị Co.op Mart	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Bến Tre	Số 26A đường Trần Quốc Tuấn, phường 4, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị Co.op Mart	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Siêu thị Co.op Biên Hòa	Số 121, Quốc lộ 15, phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị Co.op Mart	29,00%	29,00%	29,00%	29,00%
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Buôn Ma Thuột	Số 71 đường Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đak Lak	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị Co.op Mart	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Bình Dương	Đường 30 tháng 4, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị Co.op Mart	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long	Số 26, đường 3/2, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị	36,14%	36,14%	36,14%	36,14%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần phát triển khu phức hợp thương mại Vietsin	Khu phức hợp phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Co.op Mart Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	36,00%	36,00%	36,00%	36,00%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 65 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 62 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 (tiếp theo)

bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 4 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính Quý 4 của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 4 từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính Quý 4 của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán Quý 4 các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 4 và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý 4 (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính Quý 4 của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính Quý 4 của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa văn phòng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí cải tạo, xây lắp

Chi phí cải tạo, xây lắp được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá thời gian thuê mặt bằng.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Quý 4 (tiếp theo)

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	39 - 48
Nhà	25 - 50

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 (tiếp theo)

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tập đoàn đã là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tập đoàn đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 (tiếp theo)

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ 4

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	10.782.428	202.873.207
Tiền gửi ngân hàng	8.239.827.030	13.663.475.199
Các khoản tương đương tiền ^(*)	419.059.386.560	218.720.000.000
Cộng	<u>427.309.996.018</u>	<u>232.586.348.406</u>

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 (tiếp theo)**2. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chứng khoán kinh doanh	2.532.636.368	-
Cộng	2.532.636.368	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	354.352.918.788	91.191.678.587
Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh	347.670.336.284	83.415.353.222
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Buôn Ma Thuột	-	190.021.850
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn Cần Thơ	-	1.077.415.920
Công ty cổ phần phát triển khu phức hợp thương mại Vietsin	-	5.404.173.984
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Bà Rịa	-	1.104.713.611
Công ty TNHH MTV Co.opmart Vĩnh Phúc	1.000.103.680	-
Công ty CP Phát triển Khu phức hợp TM Vietsin	5.682.478.824	-
Cộng	354.352.918.788	91.191.678.587

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	18.122.008.238	18.123.658.238
Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh	18.122.008.238	18.123.658.238
Trả trước cho người bán khác	-	17.700.009.388
Công ty TNHH đầu tư Sevin	-	17.396.143.895
Các nhà cung cấp khác	-	303.865.493
Cộng	18.122.008.238	35.823.667.626

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	25.084.510.399	-	6.611.924.757	-
Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh	19.386.713.771	-	6.337.760.653	-
Phải thu tiền đặt cọc thuê mặt bằng tại Co.opmart Hoàng Mai	17.396.143.895	-	-	-
Phải thu khoản ký quỹ thuê mặt bằng tại Co.opmart Hòa Bình	1.950.000.000	-	-	-
Các khoản chi hộ	40.569.876	-	5.454.928.629	-
Khoản chi phí Co.opmart Hải	-	-	882.832.024	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phòng</i>				
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Bến Tre - Lợi nhuận được chia	5.697.796.628	-	-	-
Công ty TNHH một thành viên Co.opmart Nguyễn Xí - Phải thu tiền cho thuê mặt bằng	-	-	273.817.761	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	2.631.394.354	-	4.691.103.675	6.611.924.757
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	370.416.000	-	6.000.000	-
Tạm ứng	293.000.000	-	127.000.000	-
Các khoản chi hộ	-	-	498.616.564	-
Lãi dự thu	1.967.478.354	-	559.487.111	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	500.000	-	3.500.000.000	-
Cộng	27.715.904.753	-	11.303.028.432	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức khác</i>	4.883.355.675	-	37.549.868.534	-
Ký quỹ thuê mặt bằng dài hạn	4.883.355.675	-	37.549.868.534	-
Cộng	4.883.355.675	-	37.549.868.534	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng tồn kho		60.000.000
Cộng	-	60.000.000

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	288.290.685	269.189.014
Chi phí sửa chữa	103.520.539	724.643.803
Dự án xây lắp Co.opmart Hòa Hảo	-	3.220.618.125
Dự án xây lắp Co.opmart Hải Phòng	-	19.329.713.051
Dự án xây lắp Co.opmart Vĩnh Phúc	8.442.434.332	8.844.455.008
Dự án, xây lắp Co.opmart Nam Đô	-	27.353.056.779
Dự án xây lắp Co.opmart Nha Trang	-	23.106.570.237
Cộng	8.834.245.556	82.848.246.017

8. Tài sản cố định hữu hình

Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
---------------------	---------------------------------	---------------------------	------

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 (tiếp theo)

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	47.993.971.373	5.267.514.725	765.301.727	54.026.787.825
Điều chỉnh giảm	(9.575.060)	-	-	(9.575.060)
Thanh lý, nhượng bán	(43.238.059.614)	(643.621.041)	-	(43.881.680.655)
Số cuối kỳ	4.746.336.699	4.623.893.684	765.301.727	10.135.532.110
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	739.893.835	-	60.000.000	799.893.835
Giá trị hao mòn				
Số đầu kỳ	12.882.020.491	1.736.747.937	265.334.750	14.884.363.352
Khấu hao trong kỳ	831.304.295	120.960.856	21.137.413	973.402.564
Thanh lý, nhượng bán	(11.293.636.425)	-	-	(11.293.636.425)
Số cuối kỳ	2.419.688.361	1.857.708.793	286.732.337	4.564.129.491
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	35.111.950.882	3.530.766.788	499.706.803	39.139.311.769
Số cuối kỳ	2.326.648.338	2.766.184.891	478.569.390	5.571.402.619
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng		-	-	-
Đang chờ thanh lý		-	-	-

9. Bất động sản đầu tư**9a. Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	42.726.563.347	147.746.806.825	190.473.370.172
Mua sắm mới	-	55.440.000	55.440.000
Thanh lý, nhượng bán	(37.196.563.347)	(118.043.190.370)	(155.239.753.717)
Số cuối kỳ	5.530.000.000	29.814.496.455	35.289.056.455
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	4.169.533.910	10.072.951.378	14.242.485.288
Khấu hao trong kỳ	35.448.718	48.450.861	83.899.579
Thanh lý, nhượng bán	(3.862.311.689)	(3.097.015.179)	(6.959.326.868)
Số cuối kỳ	342.670.939	7.024.387.060	7.367.057.999
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	38.622.492.347	137.608.392.537	176.230.884.884
Số cuối kỳ	9.049.640.750	25.831.684.574	27.921.998.456

9b. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá là quyền sử dụng đất.

	Tồn thất do suy giảm giá trị	Giá trị còn lại
Nguyên giá		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 (tiếp theo)

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Tồn thất do suy giảm giá trị</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu kỳ	-	-	-
Mua sắm mới	5.188.385.109		
Số cuối kỳ	5.188.385.109	-	5.188.385.109

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế(Thanh lý BĐS)</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Quyền sử dụng đất - 188 Hậu Giang	37.196.563.347	37.196.563.347	-
Quyền sử dụng đất - 253 Điện Biên Phủ	5.530.000.000	342.670.939	5.187.329.061
Nhà cửa vật kiến trúc - 253 Điện Biên Phủ	29.759.056.455	7.024.387.060	22.734.669.395
Quyền sử dụng đất – Phước kiển	5.188.385.109	-	5.188.385.109
Nhà cửa vật kiến trúc - Các dự án Co.opmart	117.894.110.993	117.987.750.370	-
Cộng	195.661.755.281	162.551.371.716	33.110.383.565

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu đô thị phát triển quận 2, TP. Hồ Chí Minh	454.426.232.100	5.216.648.064	-	459.642.880.164
Nhà 102 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	15.516.055.600	-	-	15.516.055.600
Dự án BMC Vinh – Plaza	15.848.400.000			15.848.400.000
Dự án Gò Công	-	421.090.910	-	421.090.910
Dự án Bến Lức	-	799.090.909	-	799.090.909
Cộng	485.790.687.700	6.436.829.883	-	492.227.517.583

11. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn chỉ có các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

11a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	<u>Giá gốc</u>
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Cà Mau ⁽ⁱ⁾	12.127.500.000
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Cần Thơ ⁽ⁱⁱ⁾	27.200.000.000
Công ty TNHH đầu tư quốc tế Sài Gòn Co.op ⁽ⁱⁱⁱ⁾	24.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 (tiếp theo)

	<u>Giá gốc</u>
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Bến Tre ^(iv)	21.854.000.000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ siêu thị Co.opmart Biên Hòa ^(v)	7.440.520.518
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Buon Ma Thuột ^(vi)	9.800.000.000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Bình Dương ^(vii)	18.130.000.000
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long ^(viii)	7.227.500.000
Công ty cổ phần phát triển khu phức hợp thương mại Vietsin ^(ix)	754.099.056.000
Cộng	<u>882.378.576.518</u>

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000969020 ngày 20 tháng 5 năm 2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 04 ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Cà Mau là 32.340.000.000 VND, tương đương 36,75% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 12.127.500.000 VND, tương đương 13,78% vốn điều lệ (số đầu năm là 12.127.500.000 VND, tương đương 13,78 % vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Cà Mau là 20.212.500.000 VND.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800502219 ngày 8 tháng 11 năm 2012, chứng nhận thay đổi lần thứ 15 ngày 14 tháng 6 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH thương mại Sài Gòn Cần thơ 27.200.000.000 VND, tương đương 34,00% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310384927 ngày 15 tháng 10 năm 2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 13 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH đầu tư quốc tế Sài Gòn Co.op 24.500.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300419650, chứng nhận thay đổi lần thứ 07 ngày 06 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Bến Tre 21.854.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4702001225, chứng nhận thay đổi lần thứ 11 ngày 26 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH thương mại dịch vụ siêu thị Co.opmart Biên Hòa 7.440.520.518 VND, tương đương 29% vốn điều lệ.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000661931 ngày 17 tháng 6 năm 2009, chứng nhận thay đổi lần thứ 02 ngày 23 tháng 8 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Buon Ma Thuột 9.800.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.
- (vii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700847333, chứng nhận thay đổi lần thứ 04 ngày 07 tháng 8 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Bình Dương 18.130.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.
- (viii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500412758, chứng nhận thay đổi lần thứ 06 ngày 22 tháng 8 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long 7.227.500.000 VND, tương đương 36,14% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 (tiếp theo)

- (ix) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411032000083, chứng nhận thay đổi lần thứ 03 ngày 17 tháng 6 năm 2013 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần phát triển khu phức hợp thương mại Vietsin 754.099.056.000 VND, tương đương 36,00% vốn điều lệ.

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Bến Tre		
Lợi nhuận được chia	5.697.796.628	6.354.810.543
Công ty TNHH thương mại dịch vụ siêu thị Co.op Mart Sài Gòn - Biên Hòa		
Lợi nhuận được chia	4.241.354.632	1.004.259.089
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Buôn Ma Thuột		
Lợi nhuận được chia	11.784.717.403	-
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Bình Dương		
Lợi nhuận được chia	5.622.860.976	2.469.613.844
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long		
Lợi nhuận được chia	8.824.174.397	965.955.375
Công ty TNHH thương mại Dịch vụ Sài Gòn - Cà Mau		
Lợi nhuận được chia	319.000.000	-
Cam kết góp vốn		
Công ty còn phải góp vốn điều lệ vào Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Cà Mau là 20.212.500.000 VND.		

12. Phải trả người bán ngắn hạn**12a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	2.260.333.939	8.716.332.743
Công ty liên doanh Fuji Alpha	1.019.200.000	1.374.400.000
Công ty liên doanh Fuji Alpha - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	500.042.893	798.528.679
Công ty cổ phần sản xuất thiết bị Sao Việt	28.052.250	1.386.617.850
Công ty TNHH một thành viên 990	-	1.313.182.200
Các nhà cung cấp khác	713.038.796	3.843.604.014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>2.260.333.939</u>	<u>8.716.332.743</u>

12b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	2.102.741.044	-	2.102.741.044	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	5.371.388.444	-	5.371.388.444	-
Thuế thu nhập cá nhân	113.845.414	-	269.661.578	(298.118.998)	85.387.994	-
Tiền thuế đất	-	(11.962.730)	455.469.709	(455.469.709)	-	(11.962.730)
Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	113.845.414	(11.962.730)	8.199.260.775	(753.588.707)	7.559.517.482	(11.962.730)

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Nước: 05%
- Dịch vụ khác: 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của Tập đoàn:

Công ty cổ phần đầu tư phát triển Sài Gòn Co-op	<u>Năm nay</u>
	5.371.388.444
Cộng	<u>5.371.388.444</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 (tiếp theo)**Các loại thuế khác**

Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

14. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng phải trả cho người lao động.

15. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**15a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	75.251.302.040	37.378.363.273
Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh - Phải trả tiền tạm ứng cho thuê mặt bằng	1.362.240.000	-
Công ty TNHH một thành viên Co.opmart Bình Triệu - Phải trả tiền tạm ứng cho thuê mặt bằng	-	4.086.714.375
Công ty TNHH một thành viên Co.opmart Hoàng Mai - Phải trả tiền tạm ứng cho thuê mặt bằng	27.328.266.513	12.164.133.256
Công ty TNHH một thành viên Co.opmart Trảng Bàng	16.492.577.860	21.075.414.891
Công ty TNHH một thành viên Co.opmart Hòa Bình	30.068.217.667	-
Công ty TNHH một thành viên Co.opmart Huế - Phải trả tiền thu hộ	-	41.640.750
Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ Sài Gòn - Phú Yên - Phải trả tiền thu hộ	-	460.001
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Bạc Liêu 2 - nhận ký quỹ	-	10.000.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	1.280.103.680	933.160.927
Kinh phí công đoàn	-	40.446.876
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	280.000.000	40.000.000
Cổ tức phải trả	648.565.370	566.528.430
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	351.538.310	286.185.621
Cộng	<u>76.531.405.720</u>	<u>38.311.524.200</u>

15b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	6.316.000.000	46.903.596.757
Công ty TNHH một thành viên Co.opmart Hoàng Mai - Phải trả tiền tạm ứng cho thuê mặt bằng	-	12.164.133.257
Công ty TNHH một thành viên Co.opmart Trảng Bàng - Phải trả tiền tạm ứng cho thuê mặt bằng	-	13.360.788.000
Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	1.362.240.000
Công ty TNHH một thành viên Co.opmart Hải Phòng - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	7.462.000.000
Công ty TNHH một thành viên Co.opmart Bình Triệu - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	3.269.371.500
Công ty TNHH một thành viên Co.opmart Trảng	-	2.969.064.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảng - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		
Công ty TNHH một thành viên Co.opmart Vĩnh Phúc - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.170.000.000	2.170.000.000
Công ty TNHH một thành viên Co.opmart Nguyễn Xí - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.146.000.000	4.146.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	104.512.292.500	8.002.922.579
Công ty CP Tập Đoàn Đầu tư Địa Ốc No Va	102.500.000.000	-
Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.012.292.500	8.002.922.579
Cộng	110.828.292.500	54.906.519.336

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	217.738.895	800.370.355	-	(961.680.001)	56.429.249
Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	7.226.678.824	2.401.111.065	22.000.000	(663.183.438)	8.986.606.451
Cộng	7.444.417.719	3.201.481.420	22.000.000	(1.624.863.439)	9.043.035.700

17. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các giao dịch hợp nhất (hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết). Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch hợp nhất (hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết)	47.364.496	-
Số cuối kỳ	47.364.496	-

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Liên hiệp hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh	935.733.620.000	868.715.050.000
Hợp tác xã thương mại Toàn Tâm	-	36.666.670.000
Các cổ đông khác	64.266.380.000	94.618.280.000
Cộng	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000

18b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty cổ phần đầu tư phát triển Sài Gòn Co-op đã phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 02/2015/NQ/ĐHĐCD ngày 25 tháng 4 năm 2015 như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
• Chia lợi nhuận cho các cổ đông (08% mệnh giá)	: 80.000.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển (15% lợi nhuận sau thuế)	: 24.011.110.645
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (02% lợi nhuận sau thuế)	: 3.201.481.420

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**19a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	765,95	779,15

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ 4**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

Doanh thu của dịch vụ cho thuê mặt bằng và tài sản đã cung cấp.

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.10. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>
Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh Cho thuê mặt bằng và tài sản	161.499.753.188
Công ty TNHH một thành viên Co.opmart Trảng Bàng Cho thuê mặt bằng và tài sản	1.336.599.400
Công ty TNHH một thành viên Co.opmart Vĩnh Phúc Cho thuê mặt bằng và tài sản	1.860.547.200

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>
<i>Công ty TNHH một thành viên Co.opmart Nguyễn Xi</i>	
Cho thuê mặt bằng và tài sản	1.642.906.566
<i>Công ty khác</i>	
Doanh thu cho thuê mặt bằng kinh doanh	8.954.222.737
2. Giá vốn hàng bán	
Giá vốn của dịch vụ cho thuê mặt bằng và tài sản đã cung cấp. Chi tiết như sau:	
	<u>Năm nay</u>
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.015.709.043
Chi phí dịch vụ mua ngoài	151.345.129.956
Cộng	<u><u>152.360.838.999</u></u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính	
	<u>Năm nay</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.502.720.015
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	34.070.047
Cộng	<u><u>4.536.790.062</u></u>
4. Chi phí bán hàng	
	<u>Năm nay</u>
Chi phí dịch vụ tư vấn thuế	30.000.000
Chi phí khác	24.528.222
Cộng	<u><u>54.528.222</u></u>
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	
	<u>Năm nay</u>
Chi phí cho nhân viên	8.796.742.811
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	516.594.388
Chi phí khấu hao tài sản cố định	142.098.269
Thuế, phí và lệ phí	(387.656.264)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	869.285.515
Các chi phí khác	1.254.993.472
Cộng	<u><u>10.873.226.606</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 (tiếp theo)

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>
Các khoản thu nhập khác	486.334.436
Cộng	<u>486.334.436</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>
Các khoản chi phí khác	15.786.155
Cộng	<u>15.786.155</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	32.024.362.350
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	32.024.362.350
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	100.000.000
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	<u>320</u>

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	256.320.535
Chi phí nhân công	8.796.742.811
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.057.302.143
Chi phí dịch vụ mua ngoài	149.559.565.658
Chi phí khác	1.309.426.694
Cộng	<u>160.995.143.996</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 (tiếp theo)

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh	Cổ đông chiếm 93.574% vốn điều lệ
Các công ty liên kết (xem thuyết minh số V.10)	
Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ An Đông	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Bảo Lộc	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Bình Tân	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên thương mại và dịch vụ Sài Gòn - Cam Ranh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên Co.opmart Huế	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Cổng Quỳnh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Củ Chi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ siêu thị Co.opmart Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ Sài Gòn - Đông Hà	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Đồng Thịnh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Đầm Sen	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Tiên Hoàng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Gò Vấp	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sài Gòn Co.op Hà Nội	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên thương mại và dịch vụ Sài Gòn - Hà Tĩnh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Hậu Giang 2	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Hậu Giang	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Hóc Môn	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Trung Mỹ Tây	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Đình Chiểu	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Nhiều Lộc	Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Phú Nhuận	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Nam Sài Gòn	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên thương mại và dịch vụ Sài Gòn - Phan Rang	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Phú Lâm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Bình Định	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn Co.op Rạch Giá	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Rạch Miễu	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ Sài Gòn - Bạc Liêu 2	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ Sài Gòn - Bình Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Gia Lai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên thương mại Sài Gòn - Hậu Giang	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Kiên Giang	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Tam Kỳ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên thương mại Sài Gòn - Quảng Ngãi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ Sài Gòn - Phan Thiết	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ Sài Gòn - Phú Yên	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Bà Rịa	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Vũng Tàu	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ Sài Gòn - Tân An	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH thương mại - dịch vụ Tiền Giang - Sài Gòn	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Thắng Lợi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ Bình Đông	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Tân Phú	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Trà Vinh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Xa Lộ Hà Nội	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần thương mại - dịch vụ VDA Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Quảng trường Quốc tế	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH đầu tư thương mại Đồng Tiến	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên Co.opmart Hải Phòng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên Co.opmart Bình Triệu	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên Co.opmart Cần Giờ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên Co.opmart Cần Thơ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên Co.opmart Hoàng Mai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên Co.opmart Ngã bảy Hậu Giang	Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty TNHH một thành viên Co.opmart Nguyễn Xí
Công ty TNHH một thành viên Co.opmart Nha Trang
Công ty TNHH một thành viên Co.opmart Thanh Hóa
Công ty TNHH một thành viên Co.opmart Trảng Bàng
Công ty TNHH một thành viên Co.opmart Vĩnh Phúc
Công ty TNHH một thành viên Co.opmart Vũng Tàu 2
Công ty TNHH một thành viên phân phối Sài Gòn Co.op
Công ty TNHH một thành viên thực phẩm Saigon Co.op
Công ty TNHH Sài Gòn Co.op Fairprice
Công ty TNHH truyền thông Sài Gòn Co.op

Mối quan hệ

Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.10 cũng như giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b. Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết như sau:

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
<i>Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh</i>		
Cổ tức phải trả	69.497.204.000	100.281.013.200
Chuyển nhượng tài sản và giá trị xây lắp	231.464.170.909	-
Thu phí chuyển nhượng cổ phần	-	45.000.000
<i>Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Bình Tân</i>		
Lợi nhuận được chia	390.665.478	-
<i>Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Cổng Quỳnh</i>		
Lợi nhuận được chia	2.857.568.352	6.232.388.374
<i>Công ty TNHH thương mại dịch vụ Đồng Thịnh</i>		
Góp vốn	-	15.120.000.000
<i>Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Tiên Hoàng</i>		
Lợi nhuận được chia	3.570.861.883	-
<i>Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Gò Vấp</i>		
Lợi nhuận được chia	489.541.373	-
<i>Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Hậu Giang 2</i>		
Góp vốn	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cho vay hỗ trợ vốn	-	1.200.000.000
Lãi cho vay	-	46.937.258
<i>Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Hậu Giang</i>		
Lợi nhuận được chia	191.121.646	394.335.785
<i>Công ty TNHH thương mại dịch vụ Trung Mỹ Tây</i>		
Lợi nhuận được chia	1.749.355.167	-
<i>Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Đình Chiểu</i>		
Lợi nhuận được chia	2.902.312.593	6.259.394.125
<i>Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Nhiều Lộc</i>		
Lợi nhuận được chia		1.539.231.962
<i>Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Phú Nhuận</i>		
Lợi nhuận được chia	629.277.981	2.700.208.061
<i>Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Nam Sài Gòn</i>		
Lợi nhuận được chia	1.584.727.522	3.865.029.095
<i>Công ty TNHH một thành viên thương mại và dịch vụ Sài Gòn - Phan Rang</i>		
Lợi nhuận được chia	553.579.392	-
<i>Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Phú Lâm</i>		
Lợi nhuận được chia	1.165.020.547	3.490.151.475
<i>Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Bình Định</i>		
Lợi nhuận được chia	497.449.911	4.116.140.428
<i>Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Rạch Miễu</i>		
Lợi nhuận được chia	382.724.188	2.281.281.107
<i>Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ Sài Gòn - Bình Phước</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận được chia	1.038.909.929	3.150.132.419
<i>Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Gia Lai</i>		
Lợi nhuận được chia	1.293.418.949	2.165.754.367
<i>Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Kiên Giang</i>		
Lợi nhuận được chia	281.256.553	-
<i>Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Tam Kỳ</i>		
Lợi nhuận được chia	585.378.288	1.068.993.346
<i>Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Phan Thiết</i>		
Lợi nhuận được chia	1.791.300.410	4.805.496.547
<i>Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ Sài Gòn - Phú Yên</i>		
Lợi nhuận được chia	666.819.014	2.123.719.431
<i>Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Bà Rịa</i>		
Lợi nhuận được chia	1.180.412.576	3.000.406.787
Thu lãi cho vay		603.466.944
<i>Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Vũng Tàu</i>		
Lợi nhuận được chia	2.129.796.174	1.804.180.000
<i>Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ Sài Gòn - Tân An</i>		
Lợi nhuận được chia	1.793.367.897	4.429.101.720
<i>Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Tây Ninh</i>		
Lợi nhuận được chia	1.236.546.382	1.378.597.911
<i>Công ty TNHH thương mại - dịch vụ Tiền Giang - Sài Gòn</i>		
Lợi nhuận được chia	2.122.712.158	843.192.000
<i>Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Thăng Lợi</i>		
Lợi nhuận được chia	1.410.902.306	4.415.750.237
<i>Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tân Phú		
Lợi nhuận được chia	-	2.526.609.058
Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Xa Lộ Hà Nội		
Lợi nhuận được chia	6.389.064.037	-
Công ty TNHH TM DV Siêu Thị Co.opmart Biên Hòa		
Lợi nhuận được chia	4.241.354.632	-
Công ty TNHH TM DV Sài Gòn Cà Mau		
Lợi nhuận được chia	319.000.000	-
Công ty TNHH TM Sài Gòn Bến Tre		
Lợi nhuận được chia	5.997.548.738	-
Công ty TNHH TM DV Sài Gòn – Buôn Ma Thuột		
Lợi nhuận được chia	11.784.717.403	-

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.2;V.3;V.4a;V.15a,b.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu cho thuê mặt bằng kinh doanh tại các Co.opmart và chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Số liệu so sánh

4a. Áp dụng Chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 (tiếp theo)

“Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

4b. Ảnh hưởng của việc áp dụng Chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng Chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý 4					
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	10.000.000.000	10.000.000.000	(i)
Phải thu ngắn hạn khác	136	11.170.028.432	133.000.000	11.303.028.432	(ii)
Tài sản ngắn hạn khác	155	133.000.000	(133.000.000)	-	(ii)
Phải thu dài hạn khác	216	-	37.549.868.534	37.549.868.534	(iii)
Tài sản dài hạn khác	268	37.549.868.534	(37.549.868.534)	-	(iii)
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	3.690.804.346	3.690.804.346	(iv)
Phải trả ngắn hạn khác	319	42.002.328.546	(3.690.804.346)	38.311.524.200	(iv)
Quỹ đầu tư phát triển	418	768.846.859.514	29.855.278.800	798.702.138.314	(v)

(i) Phải thu về cho vay ngắn hạn

Điều chỉnh số dư đầu năm của chỉ tiêu “Đầu tư ngắn hạn” sang “Phải thu về cho vay ngắn hạn”.

(ii) Phải thu ngắn hạn khác và Tài sản ngắn hạn khác

Các điều chỉnh bao gồm:

Điều chỉnh khoản tạm ứng đang trình bày ở chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” sang chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” 127.000.000

Điều chỉnh khoản ký quỹ ngắn hạn đang trình bày ở chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” sang chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” 6.000.000

Cộng 133.000.000

(iii) Phải thu dài hạn khác và Tài sản dài hạn khác

Điều chỉnh khoản ký quỹ dài hạn đang trình bày ở chỉ tiêu “Tài sản dài hạn khác” sang chỉ tiêu “Phải thu dài hạn khác”

(iv) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và Phải trả ngắn hạn khác

Điều chỉnh khoản nhận trước tiền thuê mặt bằng ngắn hạn đang trình bày ở chỉ tiêu “Phải trả ngắn hạn khác” sang chỉ tiêu “Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn”

(v) Quỹ đầu tư phát triển

Điều chỉnh số dư đầu năm của chỉ tiêu “Quỹ dự phòng tài chính” sang “Quỹ đầu tư phát triển”.

5. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 (tiếp theo)

5a. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng chủ yếu là phải thu liên quan đến hoạt động và chuyển nhượng tài sản, giá trị xây lắp cho Liên Hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh và cho thuê mặt bằng kinh doanh tại siêu thị Co.opmart của các Công ty trong cùng tập đoàn có khả năng tài chính tốt nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Tập đoàn cho các bên liên quan vay để bổ sung nguồn vốn kinh doanh nên rủi ro đối với khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính. Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	427.309.996.018	-	232.586.348.406	-
Phải thu khách hàng	354.352.918.788	-	91.191.678.587	-
Các khoản cho vay	-	-	10.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	32.599.260.428	-	33.275.726.530	-
Cộng	814.262.175.234	-	367.053.753.523	-

5b. *Tài sản đảm bảo*

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Nguyễn Thị Hồng Ngân
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Tranh
Tổng Giám đốc

